

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

1.1.1. Tên dự án/công trình: Sửa chữa thường xuyên năm 2026

1.1.2. Tên gói thầu: SCTX-2026-09 Cung cấp vật tư, thiết bị triển khai sớm năm 2026 - Phân xưởng Nhiên liệu - Dây chuyền 1.

1.1.3. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

1.1.4. Nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh

1.1.5. Địa điểm: Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại, Phường Chí Linh, Thành Phố Hải Phòng

1.1.7. Quy mô gói thầu: 1.336.848.714 VND

1.1.8. Hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, một giai đoạn một túi hồ sơ

1.1.9. Loại hợp đồng: Trọn gói

1.1.10. Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật đối với hàng hóa

1.2.1. Xuất xứ, hãng sản xuất của hàng hóa.

- Hàng hóa chào thầu phải có xuất xứ rõ ràng trong E-HSDT bao gồm tên hãng sản xuất, Quốc gia hoặc Vùng lãnh thổ nơi sản xuất hàng hóa; Nhà thầu chỉ được đề xuất 01 xuất xứ cho từng mục hàng hoá.

1.2.2. Đặc tính, thông số kỹ thuật, ký mã hiệu hàng hóa.

- Hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2024 trở lại đây.

- Hàng hóa dự thầu phải có nhãn mác, mã hiệu rõ ràng. Đặc tính, thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-Hồ sơ mời thầu hoặc tương đương hoặc tốt hơn.

- Đối với hàng hóa chào thầu là tương đương hoặc tốt hơn:

+ Nhà thầu phải chứng minh hàng hóa là tương đương hoặc tốt hơn theo yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của E-HSMT;

+ Nhà thầu phải cung cấp kèm theo tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất hàng hóa chào tương đương hoặc tốt hơn để chứng minh đáp ứng yêu cầu E-HSMT.

1.2.3. Tài liệu kỹ thuật.

Hàng hoá chào thầu phải có tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất kèm theo E-HSDT để chứng minh đáp ứng các đặc tính và thông số kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT và phải phù hợp với xuất xứ hàng hóa chào thầu; Nhà thầu phải có chỉ dẫn cụ thể trong tài liệu cho từng hạng mục hàng hóa, đánh dấu model, ký mã hiệu, nhãn hiệu của hàng hóa trong tài liệu; Tài liệu kỹ thuật phải sử dụng tiếng Việt hoặc tiếng Anh, các tài liệu sử dụng ngôn ngữ khác phải có bản dịch sang tiếng Việt (có công chứng) kèm theo.

1.2.4. Tiến độ cấp hàng.

- Nhỏ hơn hoặc bằng ≤ 90 ngày liên tục, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

1.2.5. Số lượng.

- Hàng hóa dự thầu phải có đủ số lượng theo yêu cầu của E-HSMT.

1.2.6. Bảo hành.

- Nhà thầu cam kết có trách nhiệm bảo hành đối với phần vật tư, thiết bị do mình cung cấp tối thiểu 12 tháng kể từ ngày được nghiệm thu kỹ thuật.

- Nếu trong thời gian bảo hành, thiết bị hư hỏng phải ngừng để sửa chữa (theo trách nhiệm bảo hành) thì thời gian bảo hành đương nhiên được kéo dài thêm một khoảng thời gian tương ứng thời gian ngừng để khắc phục hư hỏng;

- Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành (trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ khi Chủ đầu tư yêu cầu bảo hành), Chủ đầu tư buộc phải sửa chữa, xử lý thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.

1.2.7. Các cam kết và yêu cầu riêng.

- Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: Nhà thầu phải cam kết cung cấp chứng nhận về chất lượng hàng hóa (CQ), hoặc giấy tờ tương đương (Hợp pháp) của Nhà sản xuất (Bản gốc hoặc bản sao có công chứng hoặc bản điện tử có đường dẫn tra cứu hợp pháp) cho các mục vật tư, thiết bị theo yêu cầu tại **“Bảng thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn hàng hóa”** thuộc chương V của E-HSMT.

- Đối với hàng hoá Nhập khẩu: Nhà thầu phải cam kết cấp đầy đủ các chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ hàng hoá (CO) (bản gốc hoặc bản sao có công chứng hoặc bản điện tử có đường dẫn tra cứu hợp pháp), chứng nhận về chất lượng hàng hóa (CQ) hoặc giấy tờ tương đương (Hợp pháp) của Nhà sản xuất (Bản gốc hoặc bản sao có công chứng hoặc bản điện tử có đường dẫn tra cứu hợp pháp), và tờ khai hải quan (bản gốc) hoặc tờ khai Hải quan (bản sao) được đóng dấu và xác nhận sao y bản chính của đơn vị nhập khẩu hoặc tờ khai hải quan là bản điện tử có đường dẫn tra cứu hợp pháp cho các mục hàng hóa theo yêu cầu tại **“Bảng thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn hàng hóa”** thuộc chương V của E-HSMT.

- Nhà thầu cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính hợp pháp của CO, CQ, tờ khai hải quan hoặc giấy tờ tương đương khác cung cấp cho chủ đầu tư.

- Nhà thầu phải cam kết trong E-HSMT về việc không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa nhà thầu cung cấp, cam kết miễn trừ trách nhiệm và bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho bên mua trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa do nhà thầu cung cấp.

- Nhà thầu cam kết chịu trách nhiệm tìm hiểu, cung cấp toàn bộ vật tư, thiết bị đã lập trong E-HSMT, phải đảm bảo tính đồng bộ, tương thích về công nghệ và kích thước với các thiết bị đang sử dụng tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

- Đối với hàng hóa chào tương đương nhà thầu phải cam kết: hỗ trợ lắp đặt, hướng dẫn vận hành; hàng hóa được nghiệm thu kỹ thuật tại hiện trường sau khi lắp đặt vận hành đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

- Yêu cầu về nghiệm thu hàng hóa, nhà thầu phải cam kết thực hiện những quy định sau đây khi nghiệm thu hàng hóa:

+ Nhà thầu phải có đầy đủ các phương tiện, quy trình, biện pháp an toàn cho người, vật tư thiết bị và tự chịu trách nhiệm liên quan trong quá trình bốc xếp, vận chuyển, bảo

quản và giao nhận hàng hoá. Trong trường hợp do lỗi của nhà thầu làm thiệt hại đến sản xuất của chủ đầu tư thì nhà thầu phải có trách nhiệm bồi hoàn thiệt hại hoặc chịu trách nhiệm trước các cơ quan chức năng, tùy theo mức độ thiệt hại gây nên (nếu có);

+ Tổ chức giao nhận hàng hoá: Địa điểm giao hàng tại kho vật tư Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

+ Nhà thầu phải xuất trình các văn bản, tài liệu sau đây:

Chứng chỉ, tờ khai hải quan và các tài liệu kỹ thuật theo yêu cầu của Hợp đồng, E-HSMT và các cam kết của nhà thầu trong E-HSDT;

Hóa đơn GTGT (không viết tắt).

Tổ chức kiểm tra chất lượng và nghiệm thu, giao nhận hàng hóa.

- Chủ đầu tư kiểm tra các thông số kỹ thuật, mức mã căn cứ vào tiêu chuẩn kỹ thuật của E-HSMT quy định đối với hàng hoá do nhà thầu cung cấp. Hàng hóa phải đúng với E-HSDT;

- Nhà thầu lập và ký giữa hai bên biên bản nghiệm thu kỹ thuật hàng hóa. Biên bản nghiệm thu kỹ thuật làm căn cứ tính thời gian bảo hành và thanh toán được quy định cụ thể trong Hợp đồng.

1.2.8. Bảng thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn hàng hóa

Hạng mục số	Tên hàng hóa/ dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu cấp
1.	Bu lông M20 x 90mm, cấp bền 10.9	M20 x 90mm, cấp bền 10.9	Bộ	72	
2.	Ống cao su dẫn dầu thủy lực 3/8"SAE100 R12 DN12x12000 F/F dt12	3/8"SAE100 R12 DN12x12000 F/F dt12	Cái	2	CO,CQ,
3.	Bơm thấp áp Nhiên liệu trên động cơ: Π22T4 (Bánh răng) đầu máy TGM 064.	Áp lực đầu vào: 0,25kg/cm ² ; Áp lực đầu ra 4kg/cm ² ; Lưu lượng bơm 8lít/phút. (thiết bị hiện hữu: số răng Z1=Z2=10, đường kính đỉnh răng 52mm, bề dày răng 30mm, bạc đệm 17x23x30mm, vòng bi trục dẫn động SKF 6203).	Bộ	1	CQ
4.	Phin lọc dầu HP3204A10AN	HP3204A10AN	Cái	2	CO,CQ
5.	Phin lọc HP 1352 A10AN	HP 1352 A10AN	Cái	4	CO,CQ
6.	Máy nạp ắc quy 3 pha; Model FL 64/120	Công suất 40kW; U _{in} :380Vac; f:50Hz; I _{start} :300A; U _{out} :64Vdc; Điện áp điều chỉnh 0÷100Vdc; Dòng điện điều chỉnh 0÷120A; Cấp cách điện: H	Cái	1	CO,CQ, TLKT

7.	Băng tải B=800 mm(DC1)	EP630/4, 4 lớp bố, chiều dày cao su mặt mang tải 6mm, mặt ôm tang 2mm, chiều dày dây băng 14mm, lực kéo đứt ≥ 15 MPA, cao su mép băng ≤ 15 mm	Mét	100	CO,CQ, TLKT
8.	Bộ mối nối dán băng tải 800 mm (cao su non 3ly = 2kg, cao su non 1ly = 2kg, keo lưu hóa loại 1kg/hộp = 2 hộp, nước rửa = 1600ml, giấy silico = 3M2, chổi 3	Bộ mối nối dán băng tải 800 mm (cao su non 3ly = 2kg, cao su non 1ly = 2kg, keo lưu hóa loại 1kg/hộp = 2 hộp, nước rửa = 1600ml, giấy silico = 3M2, chổi 3	Bộ	2	CO,CQ, TLKT
9.	Bu lông khớp nối cao tốc M14x90	Bu lông khớp nối cao tốc M14x90	Bộ	30	
10.	Bu lông khớp nối M16x90 - C45	M16x90 - C45	Bộ	30	
11.	Con lăn băng tải phi 110x315	phi 110x315	Cái	30	CO,CQ, TLKT
12.	Con lăn băng tải phi 127 x 310mm	phi 127 x 310mm	Cái	80	CO,CQ, TLKT
13.	Con lăn băng tải phi 127x950	phi 127x950	Cái	50	CO,CQ, TLKT
14.	Thép hardox 500 dày 10mm	Hardox 500 dày 10mm	M2	15	CO,CQ
15.	Thép hardox 500 dày 6mm	Hardox 500 dày 6mm	M2	15	CO,CQ
16.	Thép tấm 16IC D =5ly	16IC D = 5ly	Kg	700	
17.	Thép tấm đen D = 3ly	D = 3ly	Kg	800	
18.	Thép tấm Q345-TQ 6000x1500x8	Q345-TQ 6000x1500x8	Kg	1200	TLKT
19.	Thép tấm-Q345 B TQ-D=10ly	Q345 B TQ-D =10ly	Kg	1900	TLKT
20.	Thép tròn CT3 phi18	CT3 phi18	Kg	100	
21.	Thép tròn CT3 phi20	CT3 phi20	Kg	150	
22.	Thép U 150x75x6.5	U 150x75x6.5	Kg	200	
23.	Thép U200x80x7.5	U200x80x7.5	Kg	200	
24.	Thép V 100x100x10	V 100x100x10	Kg	500	
25.	Thép V40x40x4mm	V40x40x4mm	Kg	200	
26.	Tôn chống trượt D = 6	Tôn chống trượt D = 6	Kg	1300	TLKT

Ghi chú:

Chủng loại hàng hóa trên hiện đang được sử dụng tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại để nhà thầu tham khảo. Nhà thầu có thể chào hàng hóa đúng như yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT hoặc tương đương hoặc tốt hơn;

- CO là chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ hàng hoá;

- CQ là chứng chỉ chất lượng hàng hoá;

- TLKT là Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa chào thầu (yêu cầu cấp trong E-HSMT).

Mục 2. Các bản vẽ.

- E-HSMT không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Trường hợp cần thuê một trong các cơ quan có đủ năng lực (sau khi được hai bên thống nhất) tiến hành thử nghiệm hàng hóa (nghiệm thu, giám định, kiểm tra) theo tiêu chuẩn quy định của hợp đồng thì chi phí cho việc này do Chủ đầu tư chi trả nếu kết quả đạt yêu cầu được Chủ đầu tư chấp nhận. Nếu kết quả không đạt yêu cầu thì nhà thầu phải chi trả mọi chi phí gồm cả các chi phí phát sinh (nếu có) và Chủ đầu tư từ chối nhận hàng hóa này. Trường hợp sau thử nghiệm hàng hóa được Chủ đầu tư chấp nhận sẽ được nghiệm thu kỹ thuật theo quy định tại ngày nhà thầu gửi hàng hóa đến Chủ đầu tư.